

BỘ TÀI CHÍNH

BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC THÔNG TƯ CỦA BỘ TÀI CHÍNH VỀ THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Số TT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi
1	2	3	4	5
I	Thông tư số 89-TC/TCT ngày 09/11/1993 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 74-CP 1993 thi hành Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp			
1	Điều 1, Mục II	1. Xác định diện tích tính thuế: Theo quy định tại Điều Nghị định số 74/CP ngày 25-10-1993, chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 năm 1993, mọi tổ chức, cá nhân sử dụng đất vào sản xuất nông nghiệp, kể cả diện được miễn thuế hoặc tạm miễn thuế đều phải kê khai diện tích từng thửa ruộng, đất sử dụng vào sản xuất nông nghiệp theo hướng dẫn của cơ quan thuế. Diện tích tính thuế của từng thửa ruộng, đất là diện tích thực sử dụng kể cả bờ xung quanh ruộng phục vụ trực tiếp cho sản xuất của thửa ruộng, đất, không tính phần bờ dùng cho giao thông nội đồng hoặc dùng chung cho từ một cánh đồng trở lên. <i>a. Xác định diện tích tính thuế của từng hộ phải căn cứ vào tờ khai của hộ, đồng thời phải dựa vào các tài liệu sau đây để kiểm tra tính chính xác của tờ khai:</i>	1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp thực hiện khai thuế theo quy định pháp luật quản lý thuế. a) Diện tích tính thuế của từng thửa ruộng, đất là diện tích thực sử dụng kể cả bờ xung quanh ruộng phục vụ trực tiếp cho sản xuất của thửa ruộng, đất, không tính phần bờ dùng cho giao thông nội đồng hoặc dùng chung cho từ một cánh đồng trở lên. b) Trong quá trình xác định diện tích tính thuế sử dụng đất nông nghiệp, cơ quan thuế cơ sở phải cùng Hội đồng tư vấn thuế xã xem xét cụ thể từng trường hợp, nếu thấy tờ khai chưa chính xác thì phải đề nghị chủ hộ kê khai lại và phải tổ chức kiểm tra điền hình để xác định đúng diện tích đất chịu thuế của những hộ kê khai chưa chính xác	- Thực hiện Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp. - Hiện hành thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế năm 2019

Số TT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi
		- Diện tích đang tính thuế nông nghiệp năm 1993, diện tích khai hoang đã đến hạn chịu thuế; - Kết quả đo đạc gần nhất được cơ quan quản lý ruộng đất huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (trong văn bản này gọi chung là huyện) xác nhận. Nếu địa phương chưa đo đạc hoặc số liệu đo đạc chưa chính xác thì phải sử dụng tài liệu: bản đồ, địa bàn cũ, tài liệu về giao đất hoặc giao khoán, đất làm kinh tế gia đình, các quyết định giao đất đối với các doanh nghiệp, nông lâm nghiệp (nông trường, lâm trường, trạm trại...) b. Trình tự xác định diện tích tính thuế như sau: - Hộ sử dụng đất tự kê khai diện tích đất được giao, đất nhận khoán và đất tự khai phá gọi chung là đất đang sử dụng theo mẫu biểu hướng dẫn của cơ quan thuế và gửi bản kê khai đó đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (trong văn bản này gọi chung là xã) đối với các hộ nộp thuế lập sổ thuế tại xã, đến Chi cục thuế đối với các hộ nộp thuế lập sổ thuế tại huyện, đúng thời gian và địa điểm theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 74/CP ngày 25-10-1993 của Chính phủ; - Đội thuế xã giúp Ủy ban nhân dân xã tiếp nhận tờ khai, kiểm tra, đối chiếu tờ khai của từng hộ nộp thuế với các tài liệu hiện có đã nói ở trên, xác định diện tích tính thuế của từng hộ. Trong quá trình xác định diện tích tính thuế sử dụng đất nông nghiệp, cơ quan thuế phải cùng Hội đồng tư vấn thuế xã xem xét cụ thể từng trường hợp, nếu		

Số TT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi
		thấy tờ khai chưa chính xác thì phải đề nghị chủ hộ kê khai lại và phải tổ chức kiểm tra điển hình để xác định đúng diện tích đất chịu thuế của những hộ kê khai chưa chính xác. <i>Trường hợp có sự khác nhau giữa diện tích đo đạc với kê khai tính thuế của hộ nộp thuế hoặc của một xã, một huyện thì trước mắt tạm duyệt diện tích tính thuế năm 94 theo tờ khai của từng hộ, Ủy ban nhân dân huyện phối hợp với cơ quan quản lý ruộng đất tỉnh chỉ đạo xác định lại diện tích ngay từ quý I năm 1994 để cuối năm tính thuế, thu thuế và quyết toán thuế theo diện tích đã được xác định lại.</i> <i>Đội thuế xã thông báo kết quả xác định diện tích tính thuế cho từng hộ nộp thuế, tổng hợp và giúp Ủy ban nhân dân xã báo cáo Ủy ban nhân dân huyện và Chi cục thuế.</i>		
2	Mục III	1. Tính thuế - Căn cứ vào tờ khai của các hộ nộp thuế do xã gửi lên, Chi cục thuế cùng cán bộ đội thuế xã xem xét và kiểm tra lại các căn cứ tính thuế của hộ nộp thuế trên tờ khai, nếu phát hiện có sự sai sót thì yêu cầu Ủy ban nhân dân xã giải trình cụ thể. - Căn cứ vào tờ khai của hộ nộp thuế đã được kiểm tra, tổ kế toán hoặc nghiệp vụ tại Chi cục thuế tính thuế cho từng hộ nộp thuế. - Căn cứ vào kết quả tính thuế của từng hộ nộp thuế do Chi cục thuế huyện gửi lại cho Ủy ban nhân dân xã, đội thuế xã giúp Ủy ban nhân dân xã lập danh sách từng hộ nộp thuế theo mẫu đính kèm Thông tư	1. Lập sổ thuế: Nguyên tắc là đất đăng ký sổ địa chính ở địa phương nào thì lập sổ thuế ở địa phương đó theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 74/CP. Theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 74/CP việc lập sổ thuế tiến hành như sau: - Cơ quan thuế cơ sở tổng hợp kết quả tiếp thu ý kiến nhân dân và từng hộ nộp thuế ngay sau khi hết thời hạn niêm yết và báo cáo Ủy ban nhân dân xã. Nếu có ý kiến trái ngược lớn về diện tích hoặc hạng đất tính thuế, thì phải kiểm tra xác định lại, sau đó tiến hành lập sổ thuế theo từng thôn (ấp, bản xóm) theo mẫu	- Thực hiện Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp. - Hiện hành thực hiện theo quy định

Số TT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi
		này, niêm yết các căn cứ tính thuế và mức thuế ghi thu của từng hộ nộp thuế để hộ nộp thuế xác nhận và nhân dân tham gia ý kiến trong thời hạn 20 ngày trước khi lập và trình duyệt sổ thuế - Tổ chức, cá nhân sử dụng đất ở nhiều xã, phường, thị trấn hoặc quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thì phải gửi bản kê khai đến cơ quan thuế nơi lập sổ thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 74/CP ngày 25-10-1993 của Chính phủ. Cơ quan thuế tiếp nhận tờ khai, kiểm tra, xác định các căn cứ tính thuế và thông báo cho hộ nộp thuế. - Trường hợp hộ nộp thuế không kê khai, thì cơ quan thuế được quyền ấn định số thuế phải nộp theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 74/CP ngày 25-10-1993 của Chính phủ và Điều 13 của Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp. 2. Lập sổ thuế: Nguyên tắc là đất đăng ký sổ địa chính ở địa phương nào thì lập sổ thuế ở địa phương đó theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 74/CP ngày 25-10-1993 của Chính phủ. Theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 74/CP ngày 25-10-1993 việc lập sổ thuế tiến hành như sau: - Đội thuế xã tổng hợp kết quả tiếp thu ý kiến nhân dân và từng hộ nộp thuế ngay sau khi hết thời hạn niêm yết và báo cáo Ủy ban nhân dân xã. Nếu có ý kiến trái ngược lớn về diện tích hoặc hạng đất tính thuế, thì phải kiểm tra xác định lại, sau đó tiến hành lập sổ thuế theo từng thôn (ấp, bản xóm) theo mẫu	của Bộ Tài chính. - Hội đồng tư vấn thuế xã giúp Ủy ban nhân dân xã kết hợp với cơ quan thuế cơ sở kiểm tra, xác định các căn cứ tính thuế của từng hộ nộp thuế, đảm bảo phù hợp với tờ khai của hộ và kết quả phân hạng đất tính thuế. Những trường hợp sau khi niêm yết, hộ nộp thuế chưa thống nhất với Hội đồng tư vấn thuế xã và cơ quan thuế cơ sở về căn cứ tính thuế, mà Hội đồng tư vấn thuế xã và cơ quan thuế cơ sở không giải quyết được thì phải báo cáo Ủy ban nhân dân xã để có ý kiến bằng văn bản cho hộ nộp thuế, trên cơ sở đó tiếp tục lập và hoàn thiện sổ thuế. - Trường hợp tăng, giảm hộ nộp thuế thì cơ quan thuế cơ sở điều chỉnh sổ thuế”. 2. Tổ chức xét duyệt sổ thuế Sau khi lập xong sổ thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ký xác nhận, gửi cơ quan thuế cơ sở. Cơ quan thuế cơ sở cùng Hội đồng tư vấn thuế tổ chức duyệt: diện tích tính thuế, hạng đất tính thuế cho từng xã. Trên cơ sở sổ thuế do các xã đã lập và ý kiến của Hội đồng tư vấn thuế, cơ quan thuế cơ sở hoàn chỉnh tổng hợp kết quả duyệt sổ thuế báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (trong văn bản này gọi chung là tỉnh) và cơ quan thuế cấp tỉnh. Cơ quan thuế cấp tỉnh kiểm tra, xét duyệt sổ	của Luật Quản lý thuế năm 2019

Số TT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi
		của Bộ Tài chính. - Hội đồng tư vấn thuế xã giúp Ủy ban nhân dân xã kết hợp với đội thuế xã kiểm tra, xác định các căn cứ tính thuế của từng hộ nộp thuế, đảm bảo phù hợp với tờ khai của hộ và kết quả phân hạng đất tính thuế. Những trường hợp sau khi niêm yết, hộ nộp thuế chưa thống nhất với Hội đồng tư vấn thuế xã và đội thuế xã về căn cứ tính thuế, mà Hội đồng tư vấn xã và đội thuế xã không giải quyết được thì phải báo cáo Ủy ban nhân dân xã để có ý kiến bằng văn bản cho hộ nộp thuế, trên cơ sở đó tiếp tục lập và hoàn thiện sổ thuế. 3. Tổ chức xét duyệt sổ thuế. Sau khi lập xong sổ thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ký xác nhận và trình Ủy ban nhân dân huyện, đồng gửi Chi cục thuế. Chi cục thuế cùng Hội đồng tư vấn thuế giúp Ủy ban nhân dân huyện tổ chức duyệt: diện tích tính thuế, hạng đất tính thuế cho từng xã. Trên cơ sở sổ thuế do các xã đã lập và ý kiến của Hội đồng tư vấn, Chi cục thuế hoàn chỉnh tổng hợp kết quả duyệt sổ thuế báo cáo Ủy ban nhân dân huyện thông qua để trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (trong văn bản này gọi chung là tỉnh) và Cục thuế. Cục thuế giúp Ủy ban nhân dân kiểm tra, xét duyệt sổ thuế của các huyện có sự tham gia của các ngành liên quan (Hội đồng tư vấn). Trường hợp có ý kiến khác nhau thì Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết	thuế của các xã có sự tham gia của các ngành liên quan (Hội đồng tư vấn). Trường hợp có ý kiến khác nhau thì Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định chỉ đạo lập lại sổ thuế. Cục Thuế có trách nhiệm thường xuyên hoặc định kỳ kiểm tra sổ thuế sử dụng đất nông nghiệp của các địa phương.	

Số TT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi
		<i>định chỉ đạo huyện phải duyệt lại sổ thuế.</i> <i>Sổ thuế của huyện đã được Ủy ban nhân dân tỉnh duyệt theo đề nghị của Cục thuế được dùng làm căn cứ để Ủy ban nhân dân huyện duyệt sổ thuế chính thức cho các xã và cho các hộ nộp thuế do huyện quản lý.</i> <i>Tổng cục Thuế có trách nhiệm thường xuyên hoặc định kỳ kiểm tra sổ thuế sử dụng đất nông nghiệp của các địa phương.</i>		
3	Mục IV	1. Căn cứ sổ thuế được duyệt: căn cứ vào mùa vụ và khả năng thu hoạch, thực tế giá cả và yêu cầu lương thực (nếu có). <i>Cục thuế tỉnh</i> chủ động trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các vấn đề theo quy định tại Điều 11, 12 Nghị định số 74/CP ngày 25-10-1993 của Chính phủ, cụ thể thêm một số vấn đề như sau: - <i>Lập kế hoạch thu thuế của vụ và cả năm xác định rõ số thuế thu bằng tiền, thu bằng thóc (trong trường hợp đặc biệt);</i> - <i>Giá thu thuế của từng vụ trong năm;</i> - <i>Quy định thời gian thu nộp thuế: ngày bắt đầu và ngày kết thúc vụ thu thuế;</i> - <i>Biện pháp chỉ đạo và tổ chức thu thuế;</i> - <i>Phát động phong trào thi đua, tuyên truyền nhằm hoàn thành nhiệm vụ thu thuế.</i> 2. Căn cứ vào sổ thuế đã được duyệt và khả năng	1. Căn cứ sổ thuế được duyệt: căn cứ vào mùa vụ và khả năng thu hoạch, thực tế giá cả và yêu cầu lương thực (nếu có). Cơ quan thuế cấp tỉnh chủ động trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các vấn đề theo quy định tại Điều 11, 12 Nghị định số 74/CP. 2. Thu, nộp thuế thực hiện theo quy định pháp luật quản lý thuế.	- Thực hiện Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp. - Hiện hành thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế năm 2019

Số TT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi
		thu thuế của từng vụ, đội thuế xã giúp Ủy ban nhân dân xã gửi thông báo số thuế phải nộp cho các hộ nộp thuế, thông báo phải ghi rõ: + Thời gian nộp thuế; + Số thuế nộp trong vụ: cây hàng năm, cây lâu năm, thuế bằng tiền, bằng thóc (nếu có) và được chia ra: thuế trong năm và nợ thuế (nếu có); + Địa điểm nộp thuế; + Lần thông báo thứ mấy. Thông báo gửi cho hộ nộp thuế một bản và một bản lưu ở cơ quan thuế, đồng thời phải thông báo về thời hạn nộp thuế trên các phương tiện thông tin của xã. Trong thời gian nộp thuế đội thuế xã có trách nhiệm đôn đốc nộp thuế theo đúng quy định tại thông báo nộp thuế. 3. Thu, nộp thuế. a. Thu, nộp thuế bằng tiền mặt: khi thu thuế của dân, cán bộ thuế hoặc cán bộ kho bạc phải kiểm tra, đối chiếu số tiền thuế phải nộp ghi trên thông báo với số tiền hộ nộp thuế mang đến nộp, đồng thời viết và cấp biên lai cho người nộp thuế và ghi vào sổ theo dõi thu thuế. Trong trường hợp người nộp thuế không trực tiếp nộp vào kho bạc thì cuối mỗi ngày, cán bộ thu thuế phải đối chiếu biên lai thu thuế với số tiền thuế đã thu 10 ngày một lần phải nộp hết số tiền thuế đã thu vào Kho bạc Nhà nước. Nếu số tiền thuế thu được từ 5 triệu đồng trở lên thì phải nộp ngay vào Kho		

Số TT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi
		bạc Nhà nước, để tiền thuế vượt quá mức quy định này chưa nộp vào Kho bạc Nhà nước thì bị coi là hành vi chiếm dụng tiền thuế. b. Thu, nộp thuế bằng chuyển khoản: nộp thuế bằng chuyển khoản do hộ nộp thuế làm thủ tục nộp thuế. Cơ quan thuế phải mở sổ theo dõi các hộ nộp thuế bằng chuyển khoản để đối chiếu định kỳ với kho bạc và đơn đốc hộ nộp thuế. c. Thu thuế bằng thóc (nếu có): tổ chức thu thóc phải nhận trực tiếp của người nộp thuế có đại diện cơ quan thuế để viết biên lai thu thuế cho các hộ nộp thuế. Tổ chức mua thóc thuế phải thanh toán với ngân sách Nhà nước ngay trong vụ thu thuế theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. 4. Kết thúc năm thuế cơ quan thuế các cấp phải tổ chức quyết toán kết quả thu nộp thuế với từng hộ nộp thuế và lập báo cáo quyết toán thu thuế với Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan thuế cấp trên theo quy định tại Điều 18 của Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp như sau:¹ a. Ở cấp xã: Lập quyết toán kết quả thu nộp thuế trong năm theo từng hộ nộp thuế, căn cứ vào các tài liệu sau: Số thuế ghi thu trong sổ thuế được duyệt; số thuế được giảm miễn (nếu có); Số thuế phải = Thuế - Giảm, + Thiếu (năm nộp trong ghi thu miễn - Thừa trước) năm thuế		

¹ quy định tại Điều 18 của Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp

Số TT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi
		ố thuế đã nộp trong năm; tổng hợp từ số theo dõi thu thuế và đối chiếu với biên lai thu thuế; từ đó xác định số thuế nộp đủ, nộp thừa hoặc thiếu của từng hộ nộp thuế và tổng hợp quyết toán kết quả thu thuế của xã. b. Ở cấp huyện: Chi cục thuế kiểm tra xét duyệt quyết toán kết quả thu thuế của các xã trong huyện và tổng hợp quyết toán kết quả thu thuế chung toàn huyện, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh và Cục thuế tỉnh kiểm tra xét duyệt. c. Ở cấp tỉnh: Cục thuế tổ chức kiểm tra xét duyệt quyết toán kết quả thu thuế của các huyện; tổng hợp quyết toán của tỉnh bao gồm các chỉ tiêu chủ yếu sau: số thuế ghi thu theo số thuế; số thuế thừa, thiếu năm trước chuyển sang (nếu có); số thuế được giảm miễn (nếu có); Số thuế đã thu; số thuế đã thanh toán nộp vào Kho bạc Nhà nước; xác định số thuế còn thừa hoặc thiếu. Quyết toán của tỉnh sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh duyệt, thì gửi báo cáo Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế). Tổng cục Thuế thường xuyên hoặc định kỳ kiểm tra việc quyết toán kết quả thu thuế của các địa phương.		
4	Điểm 4 Mục	4. Trình tự việc xem xét và tổng hợp đề nghị giảm, miễn thuế ở các cấp như sau:	4. Trình tự việc xem xét và tổng hợp đề nghị giảm, miễn thuế ở các cấp như sau:	- Thực hiện Nghị quyết số 74/NQ-CP

Số TT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi
	V	a. Ở cấp xã: Căn cứ vào thực tế thiệt hại, biên bản xác nhận đánh giá khi thiên tai, dịch họa, sâu bệnh... xảy ra và biên bản thăm đồng; căn cứ vào thực tế đời sống các đối tượng chính sách thuộc diện được xét giảm, miễn thuế; cơ quan thuế và Hội đồng tư vấn giúp Ủy ban nhân dân đề nghị xin giảm miễn thuế của xã, lập danh sách các hộ về diện tích, mức độ (năng suất thiệt hại, mức thuế xin giảm, miễn do thiên tai, các hộ xin giảm, miễn thuế thuộc đối tượng chính sách xã hội theo mẫu đính kèm Thông tư này niêm yết trong thời hạn 20 ngày. Cơ quan thuế tiếp thu ý kiến của nhân dân, hoàn chỉnh, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xã duyệt danh sách và mức nghị giảm, miễn thuế báo cáo Ủy ban nhân dân huyện và Chi cục thuế. b. Ở cấp huyện: Căn cứ vào: - Biên bản xác định phạm vi và mức độ thiệt hại xảy ra thiên tai; - Báo cáo thống kê tình hình năng suất sản lượng các loại cây trồng kết quả thăm đồng, đánh giá sản lượng thu hoạch thực tế của diện tích thiệt hại; - Biên bản xét duyệt của các xã; - Đơn đề nghị xét giảm miễn thuế của hộ nộp thuế do huyện quản lý; - Căn cứ vào đời sống của các hộ thuộc đối tượng chính sách. ... Chi cục thuế dự kiến đề nghị xét giảm, miễn thuế của các xã và các hộ nộp thuế đưa ra Hội đồng tư vấn thuế xem xét có sự tham gia của các ngành liên	a) Căn cứ vào thực tế thiệt hại, biên bản xác nhận đánh giá khi thiên tai, dịch họa, sâu bệnh... xảy ra và biên bản thăm đồng; căn cứ vào thực tế đời sống các đối tượng chính sách thuộc diện được xét giảm, miễn thuế; cơ quan thuế cơ sở và Hội đồng tư vấn giúp Ủy ban nhân dân đề nghị xin giảm miễn thuế của xã, lập danh sách các hộ về diện tích, mức độ (năng suất thiệt hại, mức thuế xin giảm, miễn do thiên tai, các hộ xin giảm, miễn thuế thuộc đối tượng chính sách xã hội theo mẫu đính kèm Thông tư này niêm yết trong thời hạn 20 ngày. Cơ quan thuế cơ sở tiếp thu ý kiến của nhân dân, hoàn chỉnh, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xã duyệt danh sách và mức nghị giảm, miễn thuế báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan thuế cấp tỉnh. b) Căn cứ vào: - Biên bản xác định phạm vi và mức độ thiệt hại xảy ra thiên tai; - Báo cáo thống kê tình hình năng suất sản lượng các loại cây trồng kết quả thăm đồng, đánh giá sản lượng thu hoạch thực tế của diện tích thiệt hại; - Biên bản xét duyệt của các xã; - Đơn đề nghị xét giảm miễn thuế của hộ nộp thuế; - Căn cứ vào đời sống của các hộ thuộc đối tượng chính sách.	ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp. - Hiện hành thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế năm 2019

Số TT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi
		quan, trên cơ sở đó, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh và Cục thuế tỉnh. Hồ sơ xin giảm, miễn thuế của các huyện gồm: - Hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân các xã và các đơn vị doanh nghiệp thuộc huyện; - Tờ trình Ủy ban nhân dân huyện; - Biên bản xét duyệt đề nghị giảm, miễn thuế của huyện; - Báo cáo chi tiết của cơ quan thuế. c. Cục thuế kiểm tra và duyệt giảm, miễn thuế cho các huyện có sự tham gia của Hội đồng tư vấn thuế (các ngành liên quan) trên cơ sở đó đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Khi kiểm tra cục thuế phải: - Đối chiếu giữa biên bản xác định diện tích bị thiên tai làm thiệt hại với diện tích thực tế bị thiệt hại, mức độ thiệt hại và biên bản đánh giá sản lượng thực tế thu hoạch, so sánh giữa các huyện trong tỉnh, so sánh với các vụ trước v.v... - Xác định đúng sản lượng của năm sản xuất theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 74/CP ngày 25-10-1993 của Chính phủ; - Khi xem xét giảm miễn thuế cho các đối tượng chính sách xã hội phải có xác nhận của ngành thương binh xã hội; đồng thời phải chú ý xem xét đời sống thực tế ở địa phương và giữa các huyện trong tỉnh.	Cơ quan thuế cơ sở dự kiến đề nghị xét giảm, miễn thuế của các xã và các hộ nộp thuế đưa ra Hội đồng tư vấn thuế xem xét có sự tham gia của các ngành liên quan, trên cơ sở đó, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan thuế cấp tỉnh. c) Cơ quan thuế cấp tỉnh kiểm tra và duyệt giảm, miễn thuế cho các xã có sự tham gia của Hội đồng tư vấn thuế (các ngành liên quan) trên cơ sở đó đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Khi kiểm tra cơ quan thuế cấp tỉnh phải: - Đối chiếu giữa biên bản xác định diện tích bị thiên tai làm thiệt hại với diện tích thực tế bị thiệt hại, mức độ thiệt hại và biên bản đánh giá sản lượng thực tế thu hoạch, so sánh giữa các xã trong tỉnh, so sánh với các vụ trước. - Xác định đúng sản lượng của năm sản xuất theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 74/CP ngày 25 tháng 10 năm 1993 của Chính phủ; - Khi xem xét giảm miễn thuế cho các đối tượng chính sách xã hội phải có xác nhận của ngành thương binh xã hội; đồng thời phải chú ý xem xét đời sống thực tế ở địa phương và giữa các xã trong tỉnh.	
5	Điều	5. Trình tự thi hành quyết định giảm thuế, miễn	Bãi bỏ điểm 5, điểm 6 Mục V	- Hiện hành thực

Số TT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi
	5, điểm 6 Mục V	thuế. - Ủy ban nhân dân huyện thực hiện thông báo bằng văn bản đến từng hộ nộp thuế về số thuế được giảm, miễn theo đúng quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp số hộ được giảm, miễn quá nhiều thì có thể ủy quyền bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân xã thông báo. - Những trường hợp thông báo không đúng quyết định của cấp ra quyết định là hành vi phạm luật và Cục thuế được quyền thu hồi quyết định giảm, miễn thuế hoặc thu hồi số thuế được giảm, miễn chưa thông báo hết nộp vào ngân sách Nhà nước. 6. Tổng cục Thuế có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện giảm, miễn thuế của các địa phương, trình Bộ Tài chính ra quyết định bãi bỏ các quyết định giảm miễn thuế không đúng luật và báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Điều 18 Nghị định 74/CP ngày 25-10-1993 của Chính phủ.		hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế năm 2019
6	Điều 2 Mục VIII	2. Theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 74/CP ngày 25-10-1993 của Chính phủ: Hàng năm, Tổng cục thuế được trích số tiền bằng 4,5% trên số thuế sử dụng đất nông nghiệp thu được đảm bảo kinh phí cho đội thuế xã thực hiện việc thu thuế ở xã và hoạt động của Hội đồng tư vấn thuế các cấp. Khoản kinh phí này do ngân sách trung ương chi, Bộ Tài chính cấp theo kế hoạch từng tháng, quý cho Tổng cục thuế như các khoản kinh phí khác, cuối năm thanh quyết toán số thuế thực thu	2. Theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 74/CP: Hàng năm, Cục Thuế được trích số tiền bằng 4,5% trên số thuế sử dụng đất nông nghiệp thu được đảm bảo kinh phí cho đội thuế xã thực hiện việc thu thuế ở xã và hoạt động của Hội đồng tư vấn thuế các cấp. Khoản kinh phí này do ngân sách trung ương chi, Bộ Tài chính cấp theo kế hoạch từng tháng, quý cho Cục Thuế như các khoản kinh phí khác, cuối năm thanh quyết toán số thuế thực thu	- Thực hiện Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

Số TT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi
				- Hiện hành thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế năm 2019
II	Thông tư số 21- TC/TCT ngày 18/3/1994 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Hội đồng tư vấn thuế sử dụng đất nông nghiệp			
1	Mục I	1/ Về xác định diện tích và hạng đất tính thuế: a. Hội đồng tư vấn thuế tỉnh và huyện: có nhiệm vụ xác định diện tích tính thuế, hạng đất tính thuế cho các đơn vị hành chính cấp dưới trực tiếp và các đơn vị nộp thuế tại tỉnh hoặc huyện quản lý và thu thuế; làm căn cứ cho cơ quan thuế báo cáo cấp trên và trình UBND cùng cấp. 2/ Về xem xét và đề nghị các trường hợp, đối tượng được xét giảm thuế, miễn thuế: a. Hội đồng tư vấn thuế tỉnh: Xem xét đề nghị giảm thuế, miễn thuế của các huyện, trên cơ sở đó giúp Cục thuế duyệt và tổng hợp trình UBND tỉnh quyết định. b. Hội đồng tư vấn thuế huyện: Xem xét đề nghị giảm thuế, miễn thuế của các xã, trên cơ sở đó giúp chi cục thuế tổng hợp báo cáo Cục thuế và trình UBND tỉnh. c. Hội đồng tư vấn thuế xã: Trên cơ sở kiểm tra nắm vững thực tế ở địa phương mà xem xét các đối tượng và trường hợp được xét giảm thuế, miễn thuế. Từ đó giúp cơ quan thuế xã đề nghị UBND xã duyệt danh sách các hộ và mức thuế được giảm, miễn của từng hộ, chia theo các đối tượng và trường	Bãi bỏ nội dung Thông tư số 21-TC/TCT ngày 18/3/1994.	- Hiện hành Luật Quản lý thuế năm 2019 chỉ có quy định đối với Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn.

Số TT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi
		hợp: giảm miễn thiên tai, giảm miễn xã hội . . . báo cáo Chi cục thuế và trình UBND huyện. B- NHIỆM VỤ TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TƯ VẤN b. Đối với Hội đồng tư vấn thuế tỉnh và huyện: Căn cứ vào nhiệm vụ chung đã hướng dẫn ở trên, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của ngành mình phụ trách trong thành viên Hội đồng tư vấn, UBND tỉnh quy định nhiệm vụ cụ thể của mỗi thành viên.		
III	Thông tư số 60- TC/TCT ngày 14/7/1994 của Bộ Tài chính	hướng dẫn bổ sung việc giảm thuế, miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp		
1	Điều 1 Mục III	III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN 1) UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác giảm, miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp thuộc địa phương mình; chỉ đạo <i>Cục thuế</i> và các ngành có liên quan, <i>UBND cấp huyện, quận, thị xã</i> thực hiện công tác giảm, miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp theo quy định tại Nghị định số 74/CP ngày 25/10/1993 của Chính phủ, Thông tư số 89 TC/TCT ngày 9/11/1993 của Bộ Tài chính và các nội dung hướng dẫn tại Thông tư này.	Điều 1 Mục III: III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN 1) UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác giảm, miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp thuộc địa phương mình; chỉ đạo Cơ quan thuế cấp tỉnh và các ngành có liên quan, UBND cấp xã thực hiện công tác giảm, miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp theo quy định tại Nghị định số 74/CP ngày 25/10/1993 của Chính phủ, Thông tư số 89 TC/TCT ngày 9/11/1993 của Bộ Tài chính và các nội dung hướng dẫn tại Thông tư này.	- Thực hiện Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.
IV	Thông tư 82-TC/TCT của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 84/CP ngày 8-8-1994 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế bổ sung đối với hộ gia đình sử dụng đất nông nghiệp vượt quá hạn mức diện tích			
1	Điều 1 Mục I	1. Đối với đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: - Các tỉnh <i>Minh Hải, Kiên Giang, Sóc Trăng, Cần Thơ, An Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Đồng Tháp,</i>	1. Đối với đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: - Các tỉnh Đồng Nai, An Giang, Tây Ninh,	- Thực hiện đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh

Số TT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi
		Tiền Giang, Long An, Bến Tre, Tây Ninh, Sông Bé, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu và TP Hồ Chí Minh không quá 3 ha. - Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không quá 2 ha.	Tiền Giang, Cà Mau, Vĩnh Long, Thành phố Cần Thơ và Thành phố Hồ Chí Minh không quá 3 ha. - Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không quá 2 ha.	năm 2025 tại Nghị quyết số 125/NQ-CP ngày 9/5/2025 của Chính phủ. Theo đó, các tỉnh nêu trên thực hiện sát nhập và thành lập đơn vị hành chính cấp tỉnh mới.
2	Mục III, IV	<i>Mục III-Kê khai, tính thuế, nộp thuế</i> <i>Việc kê khai, tính thuế, nộp thuế bổ sung đối với hộ gia đình, hộ tư nhân, hộ cá nhân sử dụng đất nông nghiệp vượt quá hạn mức diện tích tiến hành cùng với việc kê khai tính thuế, nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp theo quy định của Luật và các văn bản hướng dẫn dưới Luật về thuế sử dụng đất nông nghiệp; hướng dẫn thêm đối với:</i> <i>1. Trường hợp hộ nộp thuế chỉ sử dụng đất nông nghiệp ở một nơi</i> <i>2. Trường hợp hộ nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp ở nhiều nơi</i> <i>IV- Giảm thuế, miễn thuế</i> <i>Việc giảm, miễn thuế bổ sung thực hiện cùng với việc giảm, miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp theo đúng quy định của Luật và các văn bản dưới Luật về thuế sử dụng đất nông nghiệp. Riêng diện tích được xét giảm hoặc miễn thuế cho các hộ nộp thuế theo quy định tại đoạn cuối khoản 6 Điều 16 Nghị định số 74/CP ngày 25-10-1993 của Chính phủ là</i>	Bãi bỏ mục III, IV	- Hiện hành thực hiện theo Luật Quản lý thuế năm 2019.

Số TT	Điều, khoản, điểm	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi
		<i>diện tích thực tế canh tác, nhưng không vượt quá mức qui định tại Điều 2 Nghị định số 84/CP ngày 8-8-1994 của Chính phủ.</i>		

Ghi chú: Nội dung in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung, thay thế.